

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-39

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Anh Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quý Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Số: 250323.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 25 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.499.102.461.787	1.486.204.543.938
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	192.342.015.850	55.640.847.460
111	1. Tiền		127.342.015.850	55.640.847.460
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		873.492.573.107	801.230.309.537
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	825.506.262.831	746.020.611.755
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	23.613.310.244	18.882.275.107
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	45.617.271.918	54.397.430.006
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(21.244.271.886)	(18.070.007.331)
140	IV. Hàng tồn kho	9	433.166.301.386	621.519.020.895
141	1. Hàng tồn kho		433.166.301.386	621.519.020.895
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		101.571.444	7.814.366.046
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	101.571.444	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	7.812.912.084
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	1.453.962
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		665.802.033.418	594.099.046.674
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	187.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	II. Tài sản cố định		140.513.666.137	147.143.747.737
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	123.551.047.602	129.832.741.602
222	- Nguyên giá		495.433.622.916	488.591.824.014
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(371.882.575.314)	(358.759.082.412)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.962.618.535	17.311.006.135
228	- Nguyên giá		22.398.866.201	22.398.866.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.436.247.666)	(5.087.860.066)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		335.306.408.988	291.471.553.287
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	335.306.408.988	291.471.553.287
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	172.803.973.069	139.431.363.873
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		172.803.973.069	139.431.363.873
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.990.685.224	15.865.081.777
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.990.685.224	15.865.081.777
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.164.904.495.205	2.080.303.590.612

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.238.306.667.595	1.247.155.453.662
310	I. Nợ ngắn hạn		1.235.845.108.809	1.121.183.964.876
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	530.411.746.476	547.167.248.611
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		418.361.325	1.069.280.446
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.749.922.644	11.339.824.634
314	4. Phải trả người lao động		17.899.771.250	13.774.787.185
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	155.000.000	1.886.180.597
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.639.242.274	1.517.114.775
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	637.994.472	992.916.814
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	644.785.974.963	510.719.627.683
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.147.095.405	32.716.984.131
330	II. Nợ dài hạn		2.461.558.786	125.971.488.786
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.461.558.786	118.671.488.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	7.300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		926.597.827.610	833.148.136.950
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	926.597.827.610	833.148.136.950
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		484.279.210.000	421.115.890.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		484.279.210.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.567.993.047	46.231.130.144
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.582.581.167	10.378.958.843
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		311.196.739.174	285.464.402.959
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		222.301.082.960	172.400.861.355
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		88.895.656.214	113.063.541.604
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		135.917.523	122.368.305
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.164.904.495.205	2.080.303.590.612

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	8.490.902.301.042	6.694.120.793.415
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	7.664.852.801	10.533.709.113
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.483.237.448.241	6.683.587.084.302
11	4. Giá vốn hàng bán	23	8.289.646.666.218	6.420.456.990.308
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		193.590.782.023	263.130.093.994
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.052.371.596	809.126.793
22	7. Chi phí tài chính	25	35.870.345.385	26.055.505.390
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		35.855.827.047	26.037.600.012
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		33.372.609.196	20.192.855.596
25	9. Chi phí bán hàng	26	46.075.184.126	68.979.062.079
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	29.574.336.737	32.654.665.201
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		116.495.896.567	156.442.843.713
31	12. Thu nhập khác	28	623.497.968	982.522.044
32	13. Chi phí khác	29	278.101.714	1.005.585.209
40	14. Lợi nhuận khác		345.396.254	(23.063.165)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		116.841.292.821	156.419.780.548
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	16.716.370.887	27.445.017.329
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		100.124.921.934	128.974.763.219
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		100.109.867.246	128.943.463.276
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		15.054.688	31.299.943
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.929	2.438

Võ Thị Hồng Thắm
Người lậpNguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

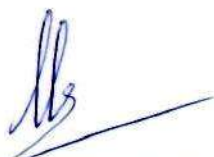
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		116.841.292.821	156.419.780.548
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.796.088.002	16.071.533.737
03	- Các khoản dự phòng		3.174.264.555	3.190.699.541
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.754.796)	91.324
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(34.772.212.536)	(20.591.806.773)
06	- Chi phí lãi vay		35.855.827.047	26.037.600.012
07	- Các khoản điều chỉnh khác		251.768.232	348.275.375
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		136.144.273.325	181.476.173.764
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(67.979.819.083)	57.439.475.598
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		188.352.719.509	(157.869.445.437)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(130.663.005.119)	189.569.718.923
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.227.174.891)	12.484.217.667
14	- Tiền lãi vay đã trả		(35.893.845.677)	(26.035.069.271)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.093.084.117)	(32.627.081.686)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.960.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.245.120.000)	(18.628.355.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		56.394.943.947	205.815.594.558
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(47.658.645.357)	(251.339.456.918)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		400.000.000	772.727.272
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		795.767.724	39.395.019
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(46.462.877.633)	(250.527.334.627)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.747.503.755.841	4.830.958.871.109
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.620.737.408.561)	(4.712.460.054.566)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(42.136.047.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		126.766.347.280	76.362.768.793

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

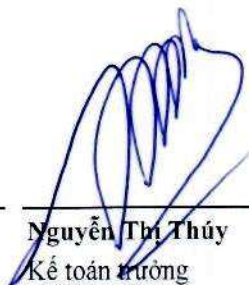
Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		136.698.413.594	31.651.028.724
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		55.640.847.460	23.989.910.060
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.754.796	(91.324)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>192.342.015.850</u>	<u>55.640.847.460</u>



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 484.279.210.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 484.279.210.000 đồng; tương đương 48.427.921 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 324 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 342 người).

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 86 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nh:

Trong giai đoạn cuối năm 2022, thị trường tiêu thụ thép gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm trong khi chi phí đầu vào điều chỉnh không tương ứng dẫn đến tỷ lệ lãi gộp giai đoạn cuối năm giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, kết quả kinh doanh năm nay sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức. Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m² đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Thị Trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần với giá trị lớn. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, tối đa không quá 3 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty mẹ và công ty con chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	365.697.129	614.203.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.976.318.721	55.026.644.392
Các khoản tương đương tiền (*)	65.000.000.000	-
	<u>192.342.015.850</u>	<u>55.640.847.460</u>

(*): Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 65.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên với lãi suất 6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên liên kết

	<u>31/12/2022</u>			<u>01/01/2022</u>		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	172.803.973.069	28,60%	28,60%	139.431.363.873
			<u>172.803.973.069</u>			<u>139.431.363.873</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	50.152.080.994	-	155.389.379.570	-
Công ty TNHH Thép Nam Châu	339.882.875.978	-	289.408.642.774	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	-	-	42.712.017.846	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	129.772.058.270	-	104.027.197.383	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	84.593.321.576	-	34.581.413.350	-
Công Ty TNHH Ty Vân	41.089.193.653	-	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	51.924.677.427	-	9.422.945.444	-
Phải thu khách hàng khác	128.092.054.933	(21.244.271.886)	110.479.015.388	(18.070.007.331)
	825.506.262.831	(21.244.271.886)	746.020.611.755	(18.070.007.331)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và Sản Xuất Minh Khánh	3.167.814.380	-	4.848.000.000	-
Công ty TNHH BFS Xây Dựng Và Thương Mại	6.500.000.000	-	-	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	6.891.513.354	-	6.891.513.354	-
Công ty cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt	2.502.500.000	-	2.502.500.000	-
Đối tượng khác	4.551.482.510	-	4.640.261.753	-
	23.613.310.244	-	18.882.275.107	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	203.835.616	-	-	-
Tạm ứng	90.600.000	-	239.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.817.000.000	-	12.362.000.000	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	41.476.104.535	-	41.476.104.535	-
Phải thu khác	29.731.767	-	320.225.471	-
	45.617.271.918	-	54.397.430.006	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	4.020.835.616	-	12.362.000.000	-
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên (*)	41.280.858.535	-	41.280.858.535	-
UBND Xã Đạo Đức (*)	195.246.000	-	195.246.000	-
Đối tượng khác	120.331.767	-	559.325.471	-
	45.617.271.918	-	54.397.430.006	-
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
UBND Xã Đạo Đức	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	3.545.354.264	11.817.847.549	5.908.923.774
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	-	3.705.650.153	810.695.045
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	3.545.354.264	24.789.626.150	6.719.618.819

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	14.526.561.487	-	51.880.694.176	-
Nguyên liệu, vật liệu	144.922.057.259	-	220.930.066.445	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.409.949.375	-	7.781.095.036	-
Thành phẩm	255.306.747.628	-	340.927.165.238	-
Hàng hoá	985.637	-	-	-
	433.166.301.386	-	621.519.020.895	-

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	335.306.408.988	291.471.553.287
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Văn Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City ⁽²⁾	326.731.863.534	282.897.007.833
	335.306.408.988	291.471.553.287

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	201.204.389.774	249.859.538.793	35.929.320.729	1.598.574.718	488.591.824.014
- Mua trong kỳ	-	-	5.709.316.364	-	5.709.316.364
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.977.186.438	479.503.600	-	-	2.456.690.038
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)
- Phân loại lại	-	(2.440.000.000)	2.440.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	203.181.576.212	247.899.042.393	42.754.429.593	1.598.574.718	495.433.622.916
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	87.284.043.539	240.962.698.621	28.913.765.534	1.598.574.718	358.759.082.412
- Khấu hao trong kỳ	9.245.413.962	2.348.566.202	2.853.720.238	-	14.447.700.402
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)
Số dư cuối kỳ	96.529.457.501	243.311.264.823	30.443.278.272	1.598.574.718	371.882.575.314
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	113.920.346.235	8.896.840.172	7.015.555.195	-	129.832.741.602
Tại ngày cuối kỳ	106.652.118.711	4.587.777.570	12.311.151.321	-	123.551.047.602

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 51.966.278.766 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 267.777.354.412 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Số dư cuối kỳ	<u>22.295.441.201</u>	<u>103.425.000</u>	<u>22.398.866.201</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.984.435.066	103.425.000	5.087.860.066
- Khấu hao trong kỳ	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối kỳ	<u>5.332.822.666</u>	<u>103.425.000</u>	<u>5.436.247.666</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	17.311.006.135	-	17.311.006.135
Tại ngày cuối kỳ	<u>16.962.618.535</u>	<u>-</u>	<u>16.962.618.535</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.400.099.480 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 105.825.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	101.571.444	-
	<u>101.571.444</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.176.294.781	5.352.759.377
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.800.000.000	5.040.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.930.046.279	1.652.709.280
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	520.148.586	2.379.107.985
Chi phí quảng cáo	97.760.452	960.181.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	466.435.126	480.324.081
	<u>16.990.685.224</u>	<u>15.865.081.777</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
 huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo đối tượng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	84.646.131.123	84.646.131.123	53.598.164.037	53.598.164.037
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	129.855.866.885	129.855.866.885	90.421.059.389	90.421.059.389
Công ty TNHH Thép Nam Châm	28.968.304.475	28.968.304.475	105.944.663.231	105.944.663.231
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghị Sơn	85.706.464.800	85.706.464.800	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Khánh Dư	57.207.510.250	57.207.510.250	31.992.059.550	31.992.059.550
Posco Daewoo Corporation	-	-	34.541.717.363	34.541.717.363
Công ty CP Luyện Thép Cao Cấp Việt Nhật	-	-	32.072.515.200	32.072.515.200
Phải trả các đối tượng khác	144.027.468.943	144.027.468.943	198.597.069.841	198.597.069.841
	530.411.746.476	530.411.746.476	547.167.248.611	547.167.248.611

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	76.350.913.519	71.945.905.234	-	4.405.008.285
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	146.512.359	146.512.359	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	131.068.232	131.068.232	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	11.147.601.200	16.716.370.887	22.842.601.200	-	5.142.070.887
Thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu qua thanh tra	-	119.414.685	120.700.000	119.414.685	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	1.453.962	72.808.749	624.311.532	530.179.497	-	165.486.822
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	266.093.024	266.093.024	-	-
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	37.356.650	-	-	37.356.650
	1.453.962	11.339.824.634	94.406.326.203	95.994.774.231	-	9.749.922.644

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	38.018.630
- Trích trước tiền điện	-	1.189.161.967
- Chi phí phải trả khác	155.000.000	659.000.000
	<u>155.000.000</u>	<u>1.886.180.597</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	175.151.200	574.805.542
- Bảo hiểm bắt buộc	-	48.119.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	256.718.788	256.718.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	206.124.484	113.272.984
	<u>637.994.472</u>	<u>992.916.814</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.461.558.786	118.671.488.786
	<u>2.461.558.786</u>	<u>118.671.488.786</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Thế	13.500.000	13.500.000
- Bà Nguyễn Thị Nhi	13.500.000	70.213.500.000
	<u>27.000.000</u>	<u>116.227.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng	502.719.627.683	502.719.627.683	5.747.503.755.841	5.612.737.408.561	637.485.974.963	637.485.974.963
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	337.600.000.000	337.600.000.000	4.662.388.040.559	4.536.102.065.596	463.885.974.963	463.885.974.963
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	141.519.627.683	141.519.627.683	768.013.530.882	781.933.158.565	127.600.000.000	127.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	23.600.000.000	23.600.000.000	150.102.184.400	173.702.184.400	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	-	-	167.000.000.000	121.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
Vay ngân hàng hạn đến hạn trả	8.000.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	8.000.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
	510.719.627.683	510.719.627.683	5.754.803.755.841	5.620.737.408.561	644.785.974.963	644.785.974.963
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	15.300.000.000	15.300.000.000	-	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
	15.300.000.000	15.300.000.000	-	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(7.300.000.000)	(8.000.000.000)	(7.300.000.000)	(7.300.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.300.000.000	7.300.000.000			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022:

Đơn vị tính: VND

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2022	Hình thức bảo đảm (*)
I	Vay ngắn hạn					637.485.974.963	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					463.885.974.963	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1509578/HĐTĐ ngày 30 tháng 06 năm 2022	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng đến hết ngày 30/06/2023	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	296.100.000.000	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
1.2	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1853346/HĐTĐ ngày 30/06/2022	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	167.785.974.963	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên					127.600.000.000	
2.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 22.41.2811/2022-HĐCVHM/NHCT262-ONG THEP VIET DUC ngày 30 tháng 11 năm 2022	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 30/11/2023	Là lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	47.500.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế
2.2	Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.93.0001/2022-HĐCVHM/NHCT262-THEP VIET DUC ngày 07/07/2022	230.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	80.100.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					46.000.000.000	
3.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 22PY/DN-ĐB/HDK156 ngày 31/03/2022	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	46.000.000.000	Tài sản đảm bảo
II	Vay dài hạn					7.300.000.000	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					7.300.000.000	
1	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HĐTĐ ngày 27/09/2019	42.000.000.000	Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	7.300.000.000 Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 7.300.000.000 VND.	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	421.115.890.000	69.835.386.699	43.728.699.692	7.876.528.392	214.512.450.354	94.198.356	757.163.153.493
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	128.943.463.276	31.299.943	128.974.763.219
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-	-	-	-	(47.981.788.864)	-	(47.981.788.864)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	2.502.430.452	2.502.430.452	(10.009.721.808)	(3.129.994)	(5.007.990.898)
Tăng/Giảm khác	-	-	-	(1)	1	-	-
Số dư cuối kỳ trước	421.115.890.000	69.835.386.699	46.231.130.144	10.378.958.843	285.464.402.959	122.368.305	833.148.136.950
Số dư đầu kỳ này	421.115.890.000	69.835.386.699	46.231.130.144	10.378.958.843	285.464.402.959	122.368.305	833.148.136.950
Tăng vốn trong kỳ này (*)	63.163.320.000	-	-	-	(63.163.320.000)	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	100.109.867.246	15.054.688	100.124.921.934
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (**)	-	-	2.133.240.579	-	(6.399.721.737)	-	(4.266.481.158)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con (***)	-	-	1.203.622.324	1.203.622.324	(4.814.489.295)	(1.505.469)	(2.408.750.116)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	1	(1)	-
Số dư cuối kỳ này	484.279.210.000	69.835.386.699	49.567.993.047	11.582.581.167	311.196.739.174	135.917.523	926.597.827.610

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2022, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 6.316.738 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 63.167.380.000 VND, nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2021. Ngày 22/07/2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 01/08/2022. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 6.316.332 cổ phiếu.

(**) Căn cứ theo điều lệ, Công ty mẹ tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022.

(***) Căn cứ theo điều lệ, Công ty con trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 5%, 5% và 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Lê Minh Hải	32,06%	155.250.000.000	32,06%	135.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	52.037.490.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	27.125.280.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	39.905.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	24.955.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	38,20%	185.006.440.000	38,20%	160.880.690.000
	100%	484.279.210.000	100%	421.115.890.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	484.279.210.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	421.115.890.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	63.163.320.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	484.279.210.000	421.115.890.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	256.718.788	281.177.538
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	63.163.320.000	42.111.589.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	63.163.320.000	42.111.589.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(42.136.047.750)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(42.136.047.750)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu</i>	(63.163.320.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(63.163.320.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	256.718.788	256.718.788

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	48.427.921	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.427.921	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.427.921	42.111.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	49.567.993.047	46.231.130.144
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.582.581.167	10.378.958.843
	61.150.574.214	56.610.088.987

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng đất mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.081,88	2.562,08

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.320.859.511.502	3.259.831.209.355
Doanh thu bán thành phẩm	4.158.327.352.129	3.422.025.140.033
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.715.437.411	12.264.444.027
	<u>8.490.902.301.042</u>	<u>6.694.120.793.415</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>-</u>	<u>8.573.044.712</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.621.691.157	8.711.176.512
Hàng bán bị trả lại	1.003.252.909	1.786.108.226
Giảm giá hàng bán	39.908.735	36.424.375
	<u>7.664.852.801</u>	<u>10.533.709.113</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.254.410.026.188	3.225.308.575.988
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.022.956.973.101	3.181.164.833.975
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.279.666.929	13.983.580.345
	<u>8.289.646.666.218</u>	<u>6.420.456.990.308</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	999.603.340	39.395.019
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	49.895.524	13.639.778
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	93.198	756.091.996
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.779.534	-
	1.052.371.596	809.126.793

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.855.827.047	26.037.600.012
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.493.600	17.814.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	24.738	91.324
	35.870.345.385	26.055.505.390

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	715.501.274	2.579.466.291
Chi phí nhân công	15.555.380.467	13.027.469.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.334.720.659	1.178.930.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.178.442.711	51.235.106.272
Chi phí khác bằng tiền	1.291.139.015	958.089.491
	46.075.184.126	68.979.062.079

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

	-	86.172.272
--	---	-------------------

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	885.502.833	2.373.473.991
Chi phí nhân công	17,110.445.202	17.267.274.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.436.910.924	2.425.422.940
Thuế, phí, lệ phí	1.294.068.686	1.288.015.318
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.727.547.264	3.213.977.968
Chi phí khác bằng tiền	1.945.597.273	2.895.801.338
	29.574.336.737	32.654.665.201

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	400.000.000	359.556.158
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	206.364.188	603.099.047
Thu nhập khác	17.133.780	19.866.839
	623.497.968	982.522.044

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	-	294.128.331
Tiền thù lao HĐQT, BKS	120.000.000	156.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	158.056.650	548.033.364
Chi phí khác	45.064	7.423.514
	278.101.714	1.005.585.209

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	10.660.092.057	14.833.017.085
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Thép Việt Đức	6.056.278.830	12.612.000.244
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.716.370.887	27.445.017.329
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	120.700.000	348.275.375
Thuế TNDN nộp hộ thầu nhà thầu nước ngoài	131.068.232	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	11.267.015.885	16.100.804.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(23.093.084.117)	(32.627.081.686)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.142.070.887	11.267.015.885

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	100.109.867.246	128.943.463.276
Các khoản điều chỉnh	(6.673.725.805)	(10.875.060.768)
- <i>Quy khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(6.673.725.805)	(10.875.060.768)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	93.436.141.441	118.068.402.508
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	48.427.921	48.427.921
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.929	2.438

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.867.074.237.285	3.238.517.617.559
Chi phí nhân công	77.177.043.400	66.457.032.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.796.088.002	15.777.405.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.513.620.326	155.443.193.379
Chi phí khác bằng tiền	5.159.344.054	11.428.022.423
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
	<u>4.035.894.597.622</u>	<u>3.490.813.970.671</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.342.015.850	-	-	192.342.015.850
Phải thu khách hàng, phải thu khác	849.879.262.863	187.300.000	-	850.066.562.863
	<u>1.042.221.278.713</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>1.042.408.578.713</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền.	55.640.847.460	-	-	55.640.847.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	782.348.034.430	187.300.000	-	782.535.334.430
	<u>837.988.881.890</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>838.176.181.890</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	644.785.974.963	-	-	644.785.974.963
Phải trả người bán, phải trả khác	531.049.740.948	2.461.558.786	-	533.511.299.734
Chi phí phải trả	155.000.000	-	-	155.000.000
	<u>1.175.990.715.911</u>	<u>2.461.558.786</u>	<u>-</u>	<u>1.178.452.274.697</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	510.719.627.683	7.300.000.000	-	518.019.627.683
Phải trả người bán, phải trả khác	548.160.165.425	118.671.488.786	-	666.831.654.211
Chi phí phải trả	1.886.180.597	-	-	1.886.180.597
	<u>1.060.765.973.705</u>	<u>125.971.488.786</u>	<u>-</u>	<u>1.186.737.462.491</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 05 tháng 02 năm 2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức (là công ty liên kết của Công ty) tổ chức họp Đại hội cổ đông và ra nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức sẽ thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt từ năm 2017-2022 theo tỷ lệ 70%, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 20/02/2023. Thời gian dự kiến chi trả trong tháng 03 năm 2023.

Căn cứ theo danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cổ tức bằng tiền Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE dự kiến sẽ được hưởng là 60.875.640.000 VND (Sáu mươi tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) tương ứng với số lượng cổ phiếu sở hữu là 8.696.520 cổ phiếu (giá trị tương ứng mệnh giá là 86.965.200.000 VND). Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại 31 tháng 12 năm 2022 là 172.803.973.069 VND (Thuyết minh số 04).

Ngoài sự kiện đã được công bố nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thê	Thành viên viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	8.573.044.712
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	8.573.044.712
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	86.172.272
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	86.172.272
Nhận ký quỹ, ký cược	-	116.200.000.000
Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000
Hoàn trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	495.700.000	448.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	447.600.000	400.000.000
	Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	445.600.000	400.000.000
	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
	Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)		
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	24.000.000
Ông Lê Anh Chung	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)	12.000.000	-
Ông Lê Quý Minh	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

